TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN C** **TỈNH CÀ MAU**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 101/2024/HNGĐ - ST
Ngày 04 - 6 - 2024
V/v tranh chấp xin ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN C, TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Hồ Chí Thêm**

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông **Nguyễn Văn Sol**

Ông **Nguyễn Thanh Tuấn**

- ***Thư ký phiên tòa:*** Bà **Nguyễn Thị Ngọc San** - Thư ký Tòa án nhân dân huyện C.

Trong ngày 04 tháng 6 năm 2024 tại Tòa án nhân dân huyện C xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 222/2024/TLST- HNGĐ ngày 16 tháng 4 năm 2024 về việc tranh chấp xin ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 80/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 14 tháng 5 năm 2024 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà **Đặng Thị L**, sinh năm 1971 (Có mặt).

Địa chỉ: ấp Đ, xã Tr, huyện C, tỉnh Cà Mau.

2. Bị đơn: Ông **Trương Văn Nh**, sinh năm 1971 (Có mặt).

Địa chỉ: ấp Đ, xã Tr, huyện C, tỉnh Cà Mau.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 16 tháng 4 năm 2024, lời khai tại Tòa án và tại phiên tòa, nguyên đơn bà Đặng Thị L trình bày:

Về hôn nhân: Bà và ông Trương Văn Nh kết hôn vào năm 1994, không có đăng ký kết hôn. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc nhưng mấy năm gần đây thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm, thường xuyên cãi nhau. Mặc dù đã cố hàn gắn nhưng vẫn không thành. Xét thấy, hôn nhân không còn hạnh phúc nên bà yêu cầu được ly hôn với ông Trương Văn Nh.

Về con chung: Ông bà có hai con chung là Trương Kiều D, sinh ngày 10 tháng 7 năm 1995 và Trương Kiều Tr, sinh ngày 10 tháng 7 năm 1995. Hiện nay, cháu D và cháu Tr đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Toà án giải quyết.

Về nợ chung, nợ riêng: Không có, không yêu cầu Toà án giải quyết.

Bị đơn ông Trương Văn Nh trình bày tại Biên bản làm việc ngày 04/6/2024 của Tòa án và tại phiên tòa:

Về hôn nhân: Ông và bà Đặng Thị L kết hôn vào năm 1994, không có đăng ký kết hôn. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc nhưng mấy năm gần đây thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm, thường xuyên cãi nhau. Mặc dù đã cố hàn gắn nhưng vẫn không thành. Xét thấy, hôn nhân không còn hạnh phúc nên bà L yêu cầu ly hôn ông đồng ý.

Về con chung: Ông bà có hai con chung là Trương Kiều D, sinh ngày 10 tháng 7 năm 1995 và Trương Kiều Tr, sinh ngày 10 tháng 7 năm 1995. Hiện nay, cháu D và cháu Tr đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Toà án giải quyết.

Về nợ chung, nợ riêng: Không có, không yêu cầu Toà án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa. Tòa án nhận định:

[1] Về thẩm quyền: Bà Đặng Thị L nộp đơn khởi kiện yêu cầu ly hôn với ông Trương Văn Nh. Khi khởi kiện, ông Nh cư trú tại ấp Đ, xã Tr, huyện C, tỉnh Cà Mau. Do vậy, Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Cà Mau thụ lý, giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về hôn nhân: Bà Đặng Thị L và ông Trương Văn Nh tự nguyện kết hôn với nhau nhưng không có đăng ký kết hôn nên đây là hôn nhân không hợp pháp, không được pháp luật bảo vệ.

Qua trình bày của bà L về nguyên nhân mâu thuẫn giữa bà L và ông Nh, bà L yêu cầu được ly hôn với ông Nh. Ông Nh thống nhất với lời trình bày của bà L, ông đồng ý ly hôn với bà L. Xét thấy, do bà L và ông Nh không có đăng ký kết hôn, theo quy định khoản 1 Điều 14 Luật Hôn nhân và gia đình quy định: *"Nam, nữ có đủ điều kiện kết hôn theo Luật hôn nhân và gia đình chung sống với nhau như vợ chồng mà không có đăng ký kết hôn thì không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng. Quyền, nghĩa vụ đối với con, tài sản… được giải quyết theo quy định tại Điều 15 và Điều 16 của Luật này"*. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ vào Khoản 2 Điều 53 Luật Hôn nhân và gia đình tuyên bố không công nhận bà Đặng Thị L và ông Trương Văn Nh là vợ chồng.

[2.2] Về con chung: Bà L và ông Nh có hai con chung là Trương Kiều D, sinh ngày 10 tháng 7 năm 1995 và Trương Kiều Tr, sinh ngày 10 tháng 7 năm 1995. Hiện nay, cháu D và cháu Tr đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Do đó, Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[2.3] Về tài sản chung: Bà Đặng Thị L và ông Trương Văn Nh thống nhất không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[2.4] Về nợ chung, nợ riêng: Bà Đặng Thị L và ông Trương Văn Nh thống nhất không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[3] Về án phí: Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm bà Đặng Thị L phải chịu 300.000 đồng theo quy định tại Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[4] Về quyền kháng cáo: Đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 14, khoản 2 Điều 53, các điều 56, 57 Luật Hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 1 Điều 24, điểm a khoản 5 và điểm a khoản 6 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/ UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Không công nhận bà Đặng Thị L và ông Trương Văn Nh là vợ chồng.

2. Về con chung: Bà Đặng Thị L và ông Trương Văn Nh có hai con chung là Trương Kiều D, sinh ngày 10 tháng 7 năm 1995 và Trương Kiều Tr, sinh ngày 10 tháng 7 năm 1995. Hiện nay, cháu D và cháu Tr đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Do đó, Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

3. Về tài sản chung: Bà Đặng Thị L và ông Trương Văn Nh thống nhất không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

4. Về nợ chung, nợ riêng: Bà Đặng Thị L và ông Trương Văn Nh thống nhất không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

5. Về án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Bà Đặng Thị L phải chịu số tiền là 300.000 (ba trăm nghìn đồng), được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp

là 300.000 (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0013075 ngày 16 tháng 4 năm 2024 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện C, tỉnh Cà Mau. Bà Đặng Thị L đã nộp đủ án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Trường hợp Bản án (Quyết định) được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy đinh tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Đương sự có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Cà Mau;
- VKSND huyện C;
- Chi cục THADS huyện C;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Hồ Chí Thêm